

Số: 194 /QĐ-PCTT

Đồng Nai, ngày 20 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng chống thiên tai cấp huyện
và kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021 - 2025**

TRƯỞNG BAN CHỈ HUY PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

*Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai
và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật
Sửa đổi một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;*

*Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-TWPCTT ngày 08 tháng 02 năm 2021 của
Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai về việc Ban hành bộ chỉ số
đánh giá công tác phòng chống thiên tai cấp tỉnh và kế hoạch thực hiện giai
đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan
Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh tại
Tờ trình số 3864/TTr-SNN ngày 12 tháng 8 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng chống thiên tai cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025, với các nội dung chính như sau:

1. Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng chống thiên tai cấp huyện

a) Mục tiêu:

- Xác định chỉ số phòng, chống thiên tai để theo dõi, đánh giá một cách khách quan và công bằng kết quả thực hiện công tác phòng, chống thiên tai cấp huyện.

- Đánh giá kết quả thực hiện và triển khai các nhiệm vụ phòng chống thiên tai trong tổ chức, nhiệm vụ Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện; Văn phòng thường trực trong giai đoạn phòng ngừa, ứng phó khắc phục hậu quả thiên tai gây ra bằng định lượng thông qua điểm số trên cơ sở đó để so sánh xếp hạng kết quả thực hiện công tác phòng, chống thiên tai, thực hiện nhiệm vụ hàng năm của các địa phương.

- Thông qua chỉ số phòng, chống thiên tai xác định điểm mạnh, điểm yếu trong việc thực hiện công tác phòng, chống thiên, giúp địa phương rà soát điều chỉnh về nội dung, giải pháp trong triển khai công tác phòng, chống thiên tai hàng năm.

b) Đối tượng: Các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa.

c) Nội dung: Bộ chỉ số được cấu trúc thành 04 nhóm, 24 tiêu chí, tổng điểm 100 điểm, cụ thể:

(1) Tổ chức nhiệm vụ: 15 điểm.

(2) Phòng ngừa thiên tai: 45 điểm.

(3) Ứng phó thiên tai: 20 điểm.

(4) Khắc phục hậu quả thiên tai: 20 điểm.

(Chi tiết Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng chống thiên tai tại Phụ lục 1 kèm theo).

d) Xếp hạng đánh giá:

- Kết quả đánh giá trên 80% đánh giá hoàn thành tốt và có danh sách kèm theo.

- Kết quả đánh giá từ 50% đến 80% được đánh giá là đạt nhưng cần hoàn thiện để sẵn sàng ứng phó trong các tình huống thiên tai.

- Kết quả đánh giá dưới 50% đánh giá không đạt và cần bổ sung hoàn thiện các nội dung.

2. Kế hoạch thực hiện: Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Cơ quan thường trực Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Thành viên Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Chánh Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban chỉ đạo TW về PCTT;
- Ủy ban QG ứng phó SCTT và TKCN;
- Thường trực: TU, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Các thành viên Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

(Khoa/53. Qđbichiso)



TRƯỞNG BAN

CHỦ TỊCH UBND TỈNH

Cao Tiến Dũng



PHỤ LỤC 01

BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 144/QĐ-PCTT ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Trưởng ban Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh Đồng Nai)

TT	Nội dung	Điểm
I	TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN VÀ VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN	15
1	Tổ chức, kiện toàn, phân công nhiệm của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện	1.5
1.1	Tổ chức, kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN	0,75
-	Thực hiện đúng quy định về kiện toàn: Đúng thành phần, có quyết định giao cho một phòng chức năng huyện làm văn phòng thường trực	0,75
-	Kiện toàn nhưng không đúng thành phần, chưa có quyết định giao cho giao cho một phòng chức năng huyện làm văn phòng thường trực	0,5
-	Không kiện toàn	0
1.2	Phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN	0.75
-	Phân công đúng và đủ theo chức năng của Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện, đảm bảo đầy đủ 11 nhiệm vụ theo khoản 1 Điều 43 Luật PCTT, 08 nhiệm vụ theo khoản 4, Điều 28 Nghị định số 66/ 2021/NĐ-CP và tổng kết công tác phòng, chống thiên tai hàng năm đề ra nhiệm vụ đúng thời hạn theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo Trung ương và Ban Chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh	0.75
-	Phân công nhưng không đủ nhiệm vụ	0,5
-	Không phân công	0
2	Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT cấp huyện	12,75
2.1	Nguồn nhân lực	4,5
2.1.1	Kế hoạch đào tạo cho cán bộ làm công tác PCTT	1,5
-	Có kế hoạch đào tạo cho Cán bộ Cơ quan thường trực	1,5
-	Chưa có kế hoạch đào tạo cho Cán bộ Cơ quan thường trực	0
2.1.2	Đào tạo, tập huấn cho Cán bộ Văn phòng thường trực về công tác PCTT	3,0
-	Hàng năm tổ chức đào tạo cho trên 80% cán bộ Cơ quan thường trực cấp huyện, xã	3,0
-	Hàng năm tổ chức đào tạo cho 50 - 80% cán bộ Cơ quan thường trực cấp huyện, xã	1,5
-	Không tổ chức đào tạo tập huấn	0
TT	Nội dung	Điểm
2.2	Cơ sở vật chất Văn phòng thường trực	1,25
-	Đảm bảo có phòng trực, phòng họp, phòng lưu trú cho cán bộ trực ban 24/24: (phòng trực có máy tính, máy in, máy fax, điện thoại, ti vi, bản đồ PCTT)	1,25

-	Chưa đảm bảo	0
2.3	Trang thiết bị chuyên dùng, công cụ hỗ trợ	5,0
2.3.1	Máy tính chuyên dùng (Cấu hình cao đảm bảo trong công tác cài đặt phần mềm chuyên dùng, cơ sở dữ liệu, xử lý bản đồ...)	1,0
-	Đã trang bị theo yêu cầu	1,0
-	Đã trang bị nhưng chưa đảm bảo theo yêu cầu	0,5
-	Chưa trang bị	0
2.3.2	Thiết bị đảm bảo tiếp nhận và truyền tin thiên tai (fax, điện thoại, hệ thống máy tính, hệ thống thông tin VHF, HF, ICOM,...)	0,5
-	Đảm bảo yêu cầu	0,5
-	Chưa đảm bảo	
2.3.3	Trang thiết bị phục vụ họp giao ban trực tuyến	1,0
-	Thiết bị đảm bảo họp giao ban trực tuyến với cấp tỉnh, Trung ương	1,0
-	Chưa đảm bảo	0
2.3.4	Công cụ hỗ trợ đảm bảo kiểm tra và chỉ đạo tại hiện trường	1,0
-	Đảm bảo kiểm tra và chỉ đạo tại hiện trường (Xe tô, trang bị bảo hộ cho thành viên đoàn công tác chỉ đạo kiểm tra, bản đồ ứng phó thiên tai)	1,0
-	Chưa đảm bảo kiểm tra và chỉ đạo tại hiện trường	0
2.3.5	Hệ thống bản đồ ứng phó thiên tai, quy trình xử lý sự cố	1,5
-	Có bản đồ ứng phó thiên tai cho những loại hình thiên tai chính của địa phương và sơ đồ hóa quy trình xử lý sự cố thiên tai	1,5
-	Có bản đồ, sơ đồ quy trình nhưng chưa đảm bảo	1,0
-	Không có bản đồ, quy trình xử lý	0
2.4	Kinh phí cho hoạt động của Văn phòng thường trực	2,0
2.4.1	Bố trí kinh phí cho hoạt động của Văn phòng thường trực	1,0
-	Có quyết định phân bổ kinh phí cho hoạt động Văn phòng thường trực	1,0
-	Chưa có quyết định phân bổ kinh phí cho Văn phòng thường trực	0
TT	Nội dung	Điểm
2.4.2	Kinh phí đảm bảo hoạt động của văn phòng thường trực	1,0
-	Đảm bảo	1,0
-	Không đảm bảo	0
	*) Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện có đầy đủ hệ thống bản đồ, phân công nhiệm vụ trực, ban hành quy chế trực; chủ động công tác báo cáo nhanh qua SMS, Zalo,... cộng 0,75 điểm	0.75
II	PHÒNG NGỪA THIÊN TAI	45
3	Xây dựng, điều chỉnh, phê duyệt và triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai	3,5

3.1	Nội dung Kế hoạch đảm bảo 07 nội dung tại Điều 15 Luật PCTT	1,0
-	Đảm bảo đủ 07 nội dung và chất lượng	1,0
-	Đảm bảo đủ 04 nội dung và chất lượng	0,5
-	Dưới 04 nội dung	0
3.2	Kết quả triển khai hoàn thành kế hoạch phòng, chống thiên tai theo hạng mục trong kế hoạch	2,5
-	Thực hiện 07 nội dung	2,5
-	Thực hiện 06 nội dung	2,0
-	Thực hiện 05 nội dung	1,5
-	Thực hiện 04 nội dung	1
-	Thực hiện từ 03 nội dung trở xuống	0
4	Lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của cấp huyện	1,0
-	Đầy đủ 4 nội dung được lồng ghép	1,0
-	Dưới 4 nội dung được lồng ghép	0
5	Cung cấp đầy đủ thông tin và cảnh báo rủi ro thiên tai có thể xảy ra ở khu vực cho người dân và doanh nghiệp	2,0
-	Thực hiện tốt, đảm bảo thời gian theo Quy định (Quyết định số 18/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai).	2,0
-	Chưa thực hiện, hoặc thực hiện chưa đầy đủ	0
TT	Nội dung	Điểm
6	Quản lý và bảo vệ công trình PCTT	4,0
6.1	Đánh giá mức độ đảm bảo công trình phòng, chống thiên tai (đê điều, hồ chứa, khu neo đậu, công trình kết hợp sơ tán dân) và xác định các công trình trọng điểm xung yếu	1,5
-	Có đánh giá	1,0
-	Không đánh giá	0
-	Có xác định công trình trọng điểm và xây dựng phương án bảo vệ	0,5
-	Chưa xác định công trình	0
6.2	Tổ chức bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng và vận hành công trình phòng, chống thiên tai đảm bảo an toàn	1,0
-	Có tổ chức bảo vệ, duy tu, bảo dưỡng và vận hành an toàn và phát huy tác dụng	1,0
-	Không tổ chức bảo vệ, duy tu và vận hành	0
6.3	Xây dựng và nâng cấp trường, trạm y tế, nhà văn hoá cộng đồng và công trình phòng chống thiên tai khác sử dụng làm điểm sơ tán dân khi có thiên tai xảy ra	1,0
-	Các công trình xây mới hoặc nâng cấp có kết hợp làm điểm sơ tán dân	1,0

-	Cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới không kết hợp	0
6.4	Quản lý, thực hiện quy hoạch khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch sản xuất thích ứng với đặc điểm thiên tai trên địa bàn, bảo đảm phát triển bền vững	0,5
-	Quy hoạch khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch sản xuất có tính toán đầy đủ các đặc điểm thiên tai của địa phương.	0,5
-	Quy hoạch khu đô thị, điểm dân cư nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và quy hoạch sản xuất không tính toán đầy đủ các đặc điểm thiên tai của địa phương.	0
7	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về phòng, chống thiên tai; tổ chức các lớp tập huấn cho cấp xã về phòng, chống thiên tai	9,0
7.1	Tổ chức thông tin tuyên truyền về và giáo dục về phòng, chống thiên tai	3,0
7.1.1	Kế hoạch Tổ chức thông tin tuyên truyền về và giáo dục về phòng, chống thiên tai	1,0
-	Kế hoạch được phê duyệt	1,0
-	Chưa phê duyệt	0
TT	Nội dung	Điểm
7.1.2	Thực hiện thông tin, truyền thông và giáo dục: + Trang thông tin (website) của huyện; + Có triển khai tài liệu hướng dẫn cấp xã về phòng, chống loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra tại địa phương. + Có chương trình phát thanh về phòng, chống thiên tai + Diễn đàn chia sẻ thông tin về phòng, chống thiên tai (facebook, viber). + Có phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai trong giáo dục. + Tổ chức tuyên truyền trực tiếp tại cộng đồng.	2,0
-	Tổ chức thực hiện đầy đủ 06 hình thức	2,0
-	Tổ chức thực hiện 05 hình thức	1,5
-	Tổ chức thực hiện 04 hình thức	1,0
-	Tổ chức thực hiện 03 hình thức	0,5
-	Tổ chức thực hiện dưới 03 hình thức hoặc không triển khai	0
7.2	Tổ chức thực hiện tập huấn cho cấp xã về phòng, chống thiên tai	6,0
-	Kết quả thực hiện được trên 70% số xã được tập huấn phòng, chống thiên tai	6,0
-	Kết quả thực hiện được từ 50% tới 70% số xã được tập huấn phòng, chống thiên tai	5,0
-	Kết quả thực hiện đạt từ 30% tới 50% số xã được tập huấn phòng, chống thiên tai	3,0
-	Kết quả thực hiện đạt từ 20% tới 30% số xã được tập huấn phòng, chống thiên tai	2,0
-	Dưới 20% số xã được tập huấn phòng, chống thiên tai	0

8	Chuẩn bị ứng phó thiên tai	9,0
8.1	Xây dựng phương án (bao gồm các kịch bản) ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai đối với từng loại hình thiên tai cụ thể, phân cấp, giao trách nhiệm thực hiện phương án theo quy định	2,0
-	Đã xây dựng phương án đảm bảo đầy đủ các nội dung và chất lượng đảm bảo 06 nội dung theo Điều 22, Luật PCTT; có đầy đủ các bảng phụ lục theo phương châm 04 tại chỗ (Chỉ huy; Lực lượng; vật tư, phương tiện; hậu cần)	2,0
-	Đã xây dựng phương án nhưng chưa đảm bảo nội dung, chất lượng	1,0
-	Chưa xây dựng phương án	0
8.2	Tổ chức hướng dẫn tổ chức, hộ gia đình chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ hoạt động PCTT	2,0
-	Trên 80% số xã đã tổ chức hướng dẫn	2,0
-	Từ 50 đến 80% số xã đã tổ chức hướng dẫn	1
-	Dưới 50% số xã đã tổ chức hướng dẫn	0
TT	Nội dung	Điểm
8.3	Tổ chức trực ban phòng, chống thiên tai	3,0
8.3.1	Quy chế trực ban	0,5
-	Có ban hành theo hướng dẫn	0,5
-	Không ban hành	0
8.3.2	Tổ chức trực ban phòng, chống thiên tai	2,5
8.3.2.1	Thời gian và chế độ trực ban	1,5
-	Đảm bảo thời gian và chế độ trực đáp ứng yêu cầu cầu công tác PCTT của huyện theo cấp độ rủi ro thiên tai thường xuyên xảy ra tại địa phương (quy định theo quy chế).	1,5
-	Không đảm bảo	
8.3.2.2	Về nhiệm vụ trực Ban phòng chống thiên tai	1,0
-	Thực hiện đầy đủ 05 nhiệm vụ: Theo dõi diễn biến thiên tai; tiếp nhận chỉ thị, mệnh lệnh, thông báo của cấp trên và truyền đạt kịp thời xuống cấp xã, tham mưu trong việc tổ chức phòng tránh, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, xử lý sự cố công trình; tổng hợp tình hình báo cáo cấp trên theo định kỳ và sau kết thúc mỗi đợt thiên tai hoặc yêu cầu đột xuất của cấp trên.	1,0
-	Không thực hiện	0
8.4	Tổ chức diễn tập về phương án ứng phó rủi ro thiên tai	2,0
-	Tổ chức diễn tập, có báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm sau diễn tập gửi Ban chỉ huy PCTT -TKCN tỉnh	2,0
-	Tổ chức diễn tập, nhưng không có báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm.	1,0
-	Chưa thực hiện	0
9	Chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm	2,0

-	Chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm theo phương án	2,0
-	Chưa đảm bảo	
10	Tổ chức lực lượng xung kích cấp xã	9,0
10.1	Thành lập lực lượng xung kích cấp xã	3,0
-	Trên 80% xã thành lập lực lượng xung kích	3,0
-	Từ 50 đến 80% số xã thành lập lực lượng xung kích	2,0
-	Từ 30 đến 50% số xã thành lập lực lượng xung kích	1,0
-	Dưới 30% số xã thành lập lực lượng xung kích	0
TT	Nội dung	Điểm
10.2	Tổ chức hoạt động cho lực lượng xung kích	6,0
-	Trên 90% lực lượng xung kích được cung cấp đầy đủ trang thiết bị theo hướng dẫn, tập huấn, bố trí kinh phí đảm bảo hoạt động; có cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động.	6,0
-	80 đến 90% lực lượng xung kích được cung cấp trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, tập huấn, bố trí kinh phí đảm bảo hoạt động.	5,0
-	60 đến 80% lực lượng xung kích được cung cấp trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn có cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động.	4,0
-	40 đến 60% lực lượng xung kích được cung cấp trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn có cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động.	3,0
-	30 đến 40% lực lượng xung kích được cung cấp trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn có cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động.	2,0
-	20 đến 30% lực lượng xung kích được cung cấp trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn có cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động.	1,0
-	Lực lượng xung kích không được cung cấp trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, tập huấn, bố trí kinh phí đảm bảo hoạt động; không có cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động.	0
11	Quỹ phòng chống thiên tai	4,5
11.1	Kế hoạch hướng dẫn, thông báo, tổ chức thu quỹ	0,5
-	Có kế hoạch, thông báo thu quỹ	0,5
-	Không có kế hoạch	0
11.2	Kết quả thu quỹ	2
-	Thu 100% so với kế hoạch	2
-	Thu trên 80% dưới 100% với kế hoạch	1
-	Thu từ 50% đến 80% với kế hoạch	0,5
-	Dưới 50% với kế hoạch	0
11.3	Có kế hoạch chi quỹ, triển khai chi quỹ	1
-	Có kế hoạch và thực hiện chi Quỹ đạt 100% theo kế hoạch	1,0

-	Có kế hoạch và thực hiện chi Quỹ đạt trên 50% dưới 100% theo kế hoạch	0,75
-	Có kế hoạch và thực hiện chi Quỹ đạt dưới 50% theo kế hoạch	0,5
-	Không có kế hoạch chi Quỹ	0
TT	Nội dung	Điểm
11.4	Kiểm tra, giám sát việc thu, chi quỹ và công khai minh bạch số liệu thu, chi quỹ PCTT	1,0
-	Có tổ chức kiểm tra, giám sát và công khai số liệu	1,0
-	Không tổ chức kiểm tra, giám sát và công khai số liệu	0
	*Các địa phương chi kịp thời cho công tác cứu trợ, khắc phục hậu quả tại điểm a, khoản 1, Nghị định 94 và khoản 4, Điều 1, Nghị định 83, chỉ cho tập huấn lực lượng xung kích, tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng cộng điểm thưởng 1,0 điểm .	
III	ỨNG PHÓ THIÊN TAI	20
12	Chỉ huy ứng phó thiên tai	3,0
12.1	Ban hành văn bản, công điện chỉ huy, triển khai thực hiện các biện pháp ứng phó khi thiên tai khi: + Nhận được thông tin dự báo, cảnh báo về thiên tai; + Khi tiếp nhận chỉ đạo của cấp trên; + Chủ động, triển khai ứng phó khi có thiên tai bất thường xảy ra trên địa bàn nhưng không nhận được cảnh báo và không có sự chỉ đạo của cấp trên	0,5
-	Đã ban hành đầy đủ các văn bản qua các đợt thiên tai	0,5
-	Chưa ban hành hoặc ban hành chưa kịp thời	0
12.2	Thường xuyên kiểm tra, bổ sung, điều chỉnh kịp thời phương án ứng phó với thiên tai phù hợp với diễn biến thiên tai tại địa phương	1,5
-	100% các đợt thiên tai đều được tổ chức kiểm tra, chỉ đạo ứng phó thiên tai	1,5
-	Không tổ chức kiểm tra	
12.3	Ứng dụng khoa học công nghệ trong chỉ huy điều hành, ứng phó (Công nghệ nhận tin, truyền tin, công nghệ hỗ trợ công tác chỉ huy PCTT)	0,5
-	Lãnh đạo Ban chỉ huy nhận được thông báo, cảnh báo qua thiết bị di động	0,5
-	Chưa áp dụng công nghệ	
12.4	Xây dựng quy chế phối hợp và phân công, phân cấp trong ứng phó thiên tai	0,5
-	Đã xây dựng, quy chế phối hợp; phân công, phân cấp.	0,5
-	Chưa có quy chế, phân công, phân cấp.	0
13	Trang thiết bị, thông tin liên đảm bảo cho công tác phòng, chống thiên tai	3,0
-	Trang bị đầy đủ trang thiết bị thông tin liên lạc đảm bảo an toàn cho ứng phó thiên tai: áo phao, giày, mũ, cưa tay, cưa máy, đèn pin, điện thoại vệ tinh, thiết bị liên lạc sóng ngắn....	3,0
-	Trang bị các trang thiết bị cơ bản: áo phao, giày, đèn pin, áo mưa, mũ	1,5

-	Không trang bị	0
TT	Nội dung	Điểm
14	Các biện pháp cơ bản ứng phó thiên tai	3,0
14.1	Thực hiện các biện pháp cơ bản ứng phó với thiên tai	2,0
-	Thực hiện đầy đủ các biện pháp cơ bản: Sơ tán người, di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thủy sản (nếu có), thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn đối với cơ sở hạ tầng, sản xuất; vận hành hợp lý các hồ chứa nước (nếu có); kiểm tra phát hiện sự cố; hướng dẫn hạn chế người và phương tiện; đảm bảo giao thông, thông tin liên lạc; tuân thủ chỉ đạo huy động khẩn cấp để kịp thời ứng phó với thiên tai.	2,0
-	Không thực hiện	0
14.2	Đánh giá mức độ phù hợp, kịp thời của các quyết định chỉ huy, điều hành ứng phó	1,0
-	Phù hợp và kịp thời	1,0
-	Chưa phù hợp và chưa kịp thời	0
15	Báo cáo nhanh về thiệt hại thiên tai kịp thời, chính xác	1,0
-	Báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác (đầy đủ thông tin có xác minh). - Về người: Người chết, mất tích, bị thương. - Về nhà ở: Sập, tốc mái, có nguy cơ mất an toàn ảnh hưởng đến tính mạng của người dân. - Về nông nghiệp, giao thông, thông tin liên lạc. - Xác định nhu cầu khẩn cấp.	1
-	Báo cáo chưa đúng quy định hoặc không báo cáo	
16	Huy động nguồn lực để ứng phó (Huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của các tổ chức cá nhân để phục vụ ứng phó thiên tai và cứu trợ khẩn cấp theo cấp độ).	3,0
-	Có huy động kịp thời và có báo cáo kết quả	3,0
-	Có huy động nhưng chưa đầy đủ, kịp thời	1,5
-	Không huy động	0
17	Hoạt động ứng cứu trong thiên tai (Trong trường hợp có xảy ra người bị thương, khu vực bị chia cắt cần lập trạm cấp cứu, lán trại tạm thời)	6,0
17.1	Sơ tán người khỏi nơi nguy hiểm, cấp cứu kịp thời người bị thương	2,5
-	100% các tình huống nguy hiểm được tổ chức sơ tán và theo kế hoạch	2,5
-	Trên 80% các tình huống nguy hiểm được tổ chức sơ tán và theo kế hoạch	1,5
-	Dưới 80% các tình huống nguy hiểm được tổ chức sơ tán hoặc sơ tán không kịp thời	0
TT	Nội dung	Điểm

17.2	Lập các trạm cấp cứu tạm thời tại các cơ quan, trường học, trạm y tế và lán trại cho người dân mất nhà ở	1,0
-	Có lập trạm, lán trại	1,00
-	Không lập trạm, lán trại	0
17.3	Cấp phát lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm	2,5
-	100% các trường hợp thiếu lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm do thiên tai được cấp phát công bằng	2,5
-	Không tổ chức cấp phát hoặc cấp phát không đầy đủ, công bằng	0
	*) Ban chỉ huy PCTT-TKCN cấp huyện, ứng phó kịp thời: Sơ tán dân, di chuyển tàu thuyền, tổ chức cảnh báo,... để không thiệt hại về tính mạng người dân tại khu vực dự báo, cảnh báo có thiên tai xảy ra được thưởng cộng 1 điểm ; trường hợp dự báo có nguy cơ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của người dân nhưng ứng phó không quyết liệt, không kịp thời trừ 1,0 điểm .	
IV	KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI	20
18	Tiếp tục triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ	2,0
-	Tìm kiếm người bị nạn, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm để ổn định đời sống của người dân	2,0
-	Không tổ chức	0
19	Vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, bình ổn giá thị trường	2,0
-	Có tổ chức thực hiện	2,0
-	Không thực hiện	0
20	Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình PCTT sau thiên tai	2,0
-	Có tổ chức thực hiện	2,0
-	Không thực hiện	0
21	Thống kê đánh giá thiệt hại do thiên tai và nhu cầu hỗ trợ	3,0
21.1	Thực hiện đầy đủ theo Điều 31 Luật PCTT và Thông tư liên tịch 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT	1,0
-	Thực hiện đúng theo yêu cầu	1,0
-	Thực hiện nhưng chưa đầy đủ theo yêu cầu	0,0
21.2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá thiệt hại thiên tai	1,0
-	Xây dựng cơ sở dữ liệu, kết nối vào hệ thống cơ sở dữ liệu bản đồ PCTT của tỉnh, ứng dụng KHCN trong thu thập, đánh giá mức độ và quy mô thiệt hại và công nghệ khác	1,0
-	Không thực hiện	0
TT	Nội dung	Điểm
21.3	Xác định nhu cầu cứu trợ	1,0
-	Chính xác, toàn diện	1,0
-	Không xác định	

22	Huy động nguồn lực khắc phục hậu quả	6,0
22.1	Huy động nguồn lực để hỗ trợ người dân theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP để khắc phục thiệt hại; Nghị định số 66/2021/NĐ-CP	1,0
-	Đã triển khai	1,0
-	Không triển khai	
22.2	Xây dựng quy trình chi tiết về huy động, quyên góp và phân bổ nguồn hỗ trợ theo quy định	1,0
-	Có xây dựng quy trình chi tiết về huy động, quyên góp và phân bổ nguồn hỗ trợ theo quy định hiện hành	1,0
-	Chưa xây dựng	0
22.3	Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, trang thiết bị phục hồi sản xuất theo Nghị định số 02/2017/NĐ-CP	1,0
-	Có thực hiện	1,0
-	Không thực hiện	0
22.4	Bố trí dự phòng ngân sách địa phương để khắc phục hậu quả	1,0
-	Có bố trí	1,0
-	Không bố trí	0
22.5	Huy động và sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện để khắc phục hậu quả thiên tai	1,0
-	Có thực hiện	1,0
-	Không thực hiện	0
22.6	Bố trí dự toán chi hàng năm để hỗ trợ dài hạn (sửa chữa, khôi phục, nâng cấp cơ sở hạ tầng đảm bảo công tác phòng, chống thiên tai)	1,0
-	Có bố trí	1,0
-	Không bố trí	0
23	Hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai đúng đối tượng theo quy định hiện hành	3,0
-	Đúng đối tượng: Cá nhân bị thương, hộ gia đình có người chết, bị thương, bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống, nhu yếu phẩm khác	3,0
-	Không đúng đối tượng	0
TT	Nội dung	Điểm
24	Báo cáo kết quả thực hiện công tác khắc phục, hậu quả thiên tai, phân bổ nguồn lực về Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh	1,0
	Có báo cáo	1,0
	Không có báo cáo	0
	*) Các huyện khắc phục hậu quả thiên tai thực hiện theo phương châm “ Xây dựng lại tốt hơn ”, cụ thể: Phù hợp với quy hoạch và có hướng dẫn sinh kế (sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng) phù hợp với biến đổi khí hậu, thiên tai đã xảy ra để đảm bảo an toàn lâu dài, được điểm thưởng 1 điểm.	



PHỤ LỤC 02

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN BỘ CHỈ SỐ

(Đính kèm Quyết định số

194/QĐ-PCTT ngày 20 tháng 1 năm 2021 của Trưởng ban
Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh)

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian hoàn thành	Sản phẩm
I	Năm 2021			
1	Xây dựng dự thảo lấy ý kiến Bộ chỉ số	Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh	Quý III/2021	Bộ chỉ số
2	Triển khai thực hiện Bộ chỉ số và báo cáo kết quả thực hiện gửi về Cơ quan thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh tổng hợp	Các địa phương, đơn vị liên quan	Tháng 12 năm 2021	Báo cáo kết quả
II	Năm 2022 - 2025			
1	Công bố chỉ số đánh giá công tác PCTT cấp huyện	Sở Nông nghiệp và PTNT- Cơ quan thường trực Ban chỉ huy PCTT-TKCN tỉnh	Tháng 2 hàng năm	Bộ chỉ số
2	Điều chỉnh Bộ chỉ số		Tháng 2 đến tháng 5 hàng năm	
3	Triển khai thực hiện bộ chỉ số và báo cáo kết quả thực hiện	Các địa phương, đơn vị liên quan	Tháng 2 hàng năm	